

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO DỤC NĂM 2024
(Kèm theo Thông báo số: /TB-HĐTD ngày / /2025 của HĐTD viên chức giáo dục huyện Mê Linh)

Môn đăng ký thi tuyển: Giáo viên THCS; Giáo viên mầm non: MN;

Số TT	Họ và đệm	Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Mã cấp học (MN: 0, THCS: 1)	Trường đăng ký thi tuyển (Chỉ ghi tên trường)	Điện ưu tiên
1	Vũ Thị	An	15/09/1994	Nữ	Tam Dương - Vĩnh Phúc	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	VHVL	GV	Tiếng Anh		1	Liên Mạc	
2	Trần Thị Quỳnh	Anh	05/4/1999	Nữ	Hiền Ninh - Sóc Sơn	Đại học	Ngôn ngữ Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Chi Đông	
3	Ngô Phương	Anh	09/6/2000	Nữ	Thanh Xuân - Sóc Sơn	Đại học	Ngôn ngữ Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Chi Đông	
4	Nguyễn Thuỳ	Anh	13/6/1999	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn	ĐH	SP Tiếng Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Đại Thịnh	
5	Trần Thị Vân	Anh	12/12/1982	Nữ	Tân Dân, Sóc Sơn	ĐH	SP Tiếng Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Liên Mạc	
6	Đinh Thị Vân	Anh	10/01/1988	Nữ	Đại Thịnh, Mê Linh	ĐH	Ngôn ngữ Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Văn Khê	
7	Lê Thị Kim	Anh	23/12/1996	Nữ	Văn Khê - Mê Linh	Đại học	Ngôn ngữ Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Văn Khê	
8	Nguyễn Hồng	Anh	06/12/1996	Nữ	Mê Linh, Mê Linh	ĐH	Giáo dục công dân	CQ	GV	GDCD		1	Đại Thịnh	

Số TT	Họ và đệm	Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Mã cấp học (MN: 0, THCS: 1)	Trường đăng ký thi tuyển (Chỉ ghi tên trường)	Điện ưu tiên
9	Nguyễn Hồng	Anh	07/7/1999	Nữ	Nam Hồng, Đông Anh	ĐH	Kế toán	CQ	KTVTC	Kế toán		0	Tiến Thắng B	
10	Nguyễn Thị	Ảnh	22/06/1997	Nữ	Văn Khê - Mê Linh	Đại học	Ngôn ngữ Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Văn Khê	
11	Nguyễn Thị	Bảy	19/01/2001	Nữ	Thanh Lâm, Mê Linh	ĐH	SP Tiếng Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Đại Thịnh	
12	Hoàng Thị Hồng	Bình	23/01/1979	Nữ	Phú Phương, Ba Vì	ĐH	SP Toán	Từ xa	GV	Toán	Anh	1	Phạm Hồng Thái	
13	Trần Thị	Chang	03/10/1999	Nữ	Bắc Phú - Sóc Sơn	Đại học	Sư phạm Toán	CQ	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Tiến Thắng	
14	Nguyễn Thị	Chuyên	15/3/1984	Nữ	Đại Thịnh, Mê Linh	ĐH	Kế toán	Từ xa	KTVTC	Kế toán		0	Đại Thịnh A	
15	Mai Thị Thu	Cúc	20/02/1985	Nữ	Thanh Hoá	ĐH	SP Tin	TC	GV	Tin học		1	Kim Hoa	
16	Nguyễn Duy	Đạt	12/8/2001	Nam	Chu Phan, Mê Linh	ĐH	SP Toán	CQ	GV	Toán		1	Chu Phan	
17	Nguyễn Thị Hồng	Điệp	12/11/1992	Nữ	Thanh Xuân - Sóc Sơn	Đại học	Ngôn ngữ Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Chi Đông	
18	Nguyễn Thị Phương	Dịu	10/9/1997	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh	ĐH	Tài chính Ngân hàng	CQ	KTVTC	Kế toán		0	Tiến Thắng B	
19	Nguyễn Thị	Dung	21/02/1994	Nữ	Thạch Đà - Mê Linh	Đại học	Sư phạm Toán	VHVL	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Tráng Việt	
20	Nguyễn Thị Thùy	Dương	16/6/2001	Nữ	Quảng Bị - Chương Mỹ	Đại học	Sư phạm Toán	CQ	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Liên Mạc	
21	Nguyễn Quang	Dương	27/10/1992	Nam	Bảo Xá - Quỳnh Phụ - Thái Bình	Đại học	Sư phạm Toán	CQ	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Tiền Phong	

Số TT	Họ và đệm	Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Mã cấp học (MN: 0, THCS: 1)	Trường đăng ký thi tuyển (Chỉ ghi tên trường)	Điện ưu tiên
22	Phạm Thuý	Dương	01/4/2001	Nữ	Nam Hồng, Đông Anh	ĐH	SP Toán	CQ	GV	Toán		1	Tiền Phong	
23	Phạm Thị Bích	Duyên	11/9/1995	Nữ	Thanh Xuân, Sóc Sơn	ĐH	SP Giáo dục công dân	CQ	GV	GDCD		1	Thanh Lâm A	
24	Dương Hương	Giang	14/01/2001	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên	ĐH	SP Toán	CQ	GV	Toán	Anh	1	Tự Lập	
25	Dương Thị	Giang	21/11/1992	Nữ	Vĩnh Phúc	ĐH	SP Tiếng Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Tiến Thịnh	
26	Đinh Thị	Giang	02/11/1995	Nữ	Tiền Dương - Đông Anh	Đại học	Sư phạm Tin học	Tại chức	GV	Tin học	Tiếng Anh	1	Tiền Phong	
27	Nguyễn Thị Thanh	Hà	14/3/1991	Nữ	Vạn Yên - Mê Linh	Đại học	Sư phạm Toán	VHVL	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Liên Mạc	
28	Trần Thị Thu	Hà	29/10/1993	Nữ	Vĩnh Phúc	ĐH	SP Toán	CQ	GV	Toán		1	Phạm Hồng Thái	
29	Nguyễn Thị Thu	Hà	06/8/1993	Nữ	Vĩnh Phúc	ĐH ThS	Toán học Toán học	CQ	GV	Toán		1	Tam Đồng	
30	Nguyễn Thu	Hà	10/7/1989	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh	ĐH	SP Toán	VHVL	GV	Toán	Anh	1	Tam Đồng	
31	Đỗ Thị Thu	Hà	14/4/2000	Nữ	Tiến Thắng - Mê Linh	Đại học	Sư phạm Toán	CQ	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Tiến Thắng	
32	Phạm Mỹ	Hà	13/3/2000	Nữ	Nam Triều - Phú Xuyên	Đại học	Sư phạm Toán	CQ	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Tiến Thắng	
33	Vũ Việt	Hà	25/3/1996	Nữ	Uy Nỗ - Đông Anh	Đại học	Sư phạm Toán	CQ	GV	Toán	Miễn thi (Bằng ĐH)	1	Tráng Việt	
34	Phạm Thị Thuý	Hà	07/11/1985	Nữ	Kim Chung, Đông Anh	ĐH ThS	SP Toán Lý thuyết xác suất	CQ	GV	Toán	Anh	1	Tráng Việt	

Số TT	Họ và đệm	Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Mã cấp học (MN: 0, THCS: 1)	Trường đăng ký thi tuyển (Chỉ ghi tên trường)	Điện ưu tiên
35	Nguyễn Thu	Hà	16/11/1994	Nữ	Mê Linh - Mê Linh	Đại học	Sư phạm Toán	CQ	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Văn Khê	
36	Trần Bắc	Hà	22/11/2001	Nữ	Bắc Phú - Sóc Sơn	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Chi Đông	
37	Nguyễn Thị Thu	Hà	12/7/1994	Nữ	Việt Hùng, Đông Anh	ĐH	SP Tiếng Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Đại Thịnh	
38	Nguyễn Thị Hồng	Hà	04/5/1989	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh	ĐH	SP Tiếng Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Đại Thịnh	
39	Trần Thị	Hà	30/3/1986	Nữ	Tiến Thắng - Mê Linh	Đại học	Công nghệ thông tin	CQ	GV	Tin học	Tiếng Anh	1	Kim Hoa	
40	Trần Thị	Hà	12/4/1982	Nữ	Thanh Lâm, Mê Linh	ĐH	Kế toán	TC	KTVTC	Kế toán		0	Đại Thịnh A	
41	Nguyễn Thị Minh	Hằng	28/6/1998	Nữ	Tiền Phong, Mê Linh	ĐH	SP Toán	CQ	GV	Toán	Anh	1	Chu Phan	
42	Nguyễn Thu	Hằng	07/12/1994	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh	ĐH	SP Toán học	CQ	GV	Toán		1	Phạm Hồng Thái	
43	Đoàn Thị Mỹ	Hằng	29/10/1996	Nữ	Tiền Phong - Mê Linh	Đại học	Sư phạm Toán	VHVL	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Tiền Phong	
44	Nguyễn Thị	Hằng	19/01/1997	Nữ	Đại Thịnh, Mê Linh	ĐH	SP Toán	CQ	GV	Toán		1	Tiền Phong	
45	Nguyễn Thanh	Hằng	02/11/1988	Nữ	Quang Minh - Mê Linh	Đại học	Cử nhân Tiếng Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Chi Đông	
46	Nguyễn Thị	Hằng	30/01/1992	Nữ	Chi Đông - Mê Linh	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Chi Đông	
47	Hoàng Thị	Hằng	04/6/1993	Nữ	Hạ Lôi - Mê Linh	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	VHVL	GV	Tiếng Anh		1	Liên Mạc	

Số TT	Họ và đệm	Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Mã cấp học (MN: 0, THCS: 1)	Trường đăng ký thi tuyển (Chỉ ghi tên trường)	Điện ưu tiên
48	Nguyễn Thị	Hằng	02/9/1993	Nữ	Vạn Yên, Mê Linh	ĐH	Ngôn ngữ Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Vạn Yên	
49	Nguyễn Thị	Hằng	21/10/1990	Nữ	Liên Mạc - Mê Linh	Đại học	Công nghệ thông tin	CQ	GV	Tin học	Tiếng Anh	1	Vạn Yên	
50	Nguyễn Thị	Hằng	28/9/1993	Nữ	Tiền Phong, Mê Linh	ĐH	Tài chính Ngân hàng	CQ	KTVTC	Kế toán		0	Tiền Phong B	
51	Lê Thị	Hạnh	29/5/1994	Nữ	Thạch Đà - Mê Linh	Đại học	Toán học	CQ	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Tiền Phong	
52	Ngô Thị	Hạnh	16/12/1991	Nữ	Liên Hà, Đông Anh	ĐH ThS	Toán Toán giải thích	CQ	GV	Toán		1	Tiền Phong	
53	Đỗ Thị Bích	Hạnh	01/5/1995	Nữ	Hoa Sơn - Lập Thạch - Vĩnh Phúc	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	VHVL	GV	Tiếng Anh		1	Chi Đông	
54	Tạ Bích	Hậu	31/12/1992	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh	ĐH	Toán	CQ	GV	Toán	Anh	1	Liên Mạc	
55	Đặng Thu	Hiền	04/8/1996	Nữ	Kim Nỗ, Đông Anh	ĐH	SP Toán	CQ	GV	Toán	Anh	1	Liên Mạc	
56	Nguyễn Hữu	Hiếu	10/4/1987	Nam	Cao Duyên - Thanh Oai	Đại học	Sư phạm Toán	CQLT	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Tiến Thắng	
57	Nguyễn Thị	Hoa	08/4/1995	Nữ	Tiền Phong, Mê Linh	ĐH	SP Toán	CQ	GV	Toán	Anh	1	Tráng Việt	
58	Ngô Thị	Hoa	18/6/1994	Nữ	Tiền Phong - Mê Linh	Đại học	Sư phạm Toán	VHVL	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Văn Khê	
59	Nguyễn Quỳnh	Hoa	21/11/1987	Nữ	Tân Dân, Sóc Sơn	ĐH ThS	Tiếng Anh SP Tiếng Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Chi Đông	
60	Lê Thị	Hoa	23/01/1984	Nữ	Chu Phan, Mê Linh	ĐH	SP Tiếng Anh	VHVL	GV	Tiếng Anh		1	Chu Phan	

Số TT	Họ và đệm	Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Mã cấp học (MN: 0, THCS: 1)	Trường đăng ký thi tuyển (Chỉ ghi tên trường)	Điện ưu tiên
61	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	15/6/2002	Nữ	Minh Phú, Sóc Sơn	ĐH	SP Giáo dục công dân	CQ	GV	GDCD		1	Đại Thịnh	
62	Nguyễn Thị	Hòa	25/10/1989	Nữ	Liên Mạc - Mê Linh	Cao đẳng	Kế toán doanh nghiệp	CQ	KTVTC	Kế toán	Tiếng Anh	0	Tiến Thắng B	
63	Nguyễn Thị Thu	Hoài	24/6/1991	Nữ	Kim Chung - Đông Anh	Đại học	Sư phạm Toán	CQ	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Tráng Việt	DT Mường
64	Nguyễn Thị Minh	Hoan	28/9/1992	Nữ	Nguyên Khê, Đông Anh	CĐ	Kế toán	CQ	KTVTC	Kế toán	Anh	0	Tiền Phong B	
65	Nguyễn Thị	Hồng	21/5/1994	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh	ĐH	SP Toán	VHVL	GV	Toán	Anh	1	Tiền Phong	
66	Hoàng Thị	Hồng	03/7/1996	Nữ	Tiên Dương, Đông Anh	ĐH	SP Tiếng Anh	VLVH	GV	Tiếng Anh		1	Chi Đông	
67	Nguyễn Thị Thu	Hồng	02/8/1993	Nữ	Tiền Phong, Mê Linh	ĐH	SP Tiếng Anh	VLVH	GV	Tiếng Anh		1	Chu Phan	
68	Nguyễn Thị	Huệ	08/5/1994	Nữ	Dục Tú - Đông Anh	Đại học	Sư phạm Toán	VHVL	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Tiền Phong	
69	Nguyễn Thị Kim	Huệ	20/12/2001	Nữ	Bắc Sơn, Sóc Sơn	ĐH	SP Tiếng Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Chi Đông	
70	Trần Thị Thanh	Huệ	21/9/1993	Nữ	Tân Dân, Sóc Sơn	ĐH	Kế toán	CQ	KTVTC	Kế toán		0	Kim Hoa	
71	Nguyễn Thị Thu	Hương	28/8/1996	Nữ	Vĩnh Phúc	ĐH	SP Toán	CQ	GV	Toán		1	Phạm Hồng Thái	
72	Nguyễn Thị Lan	Hương	08/11/2002	Nữ	Tân Phong 1 - Ba Vì	Đại học	Sư phạm Toán	CQ	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Tam Đồng	
73	Bùi Thị Mai	Hương	25/5/1999	Nữ	Xuân Đĩnh, Bắc Từ Liêm	ĐH	SP Toán	CQ	GV	Toán	Anh	1	Tam Đồng	
74	Nguyễn Lan	Hương	12/9/2002	Nữ	Bắc Hồng - Đông Anh	Đại học	Sư phạm Toán	CQ	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Tiền Phong	

Số TT	Họ và đệm	Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Mã cấp học (MN: 0, THCS: 1)	Trường đăng ký thi tuyển (Chỉ ghi tên trường)	Điện ưu tiên
75	Đàm Mai	Hương	10/12/1998	Nữ	Tiến Thịnh, Mê Linh	ĐH	SP Toán	CQ	GV	Toán		1	Tiền Phong	
76	Tạ Thị Thanh	Hương	08/7/1995	Nữ	Tam Đồng - Mê Linh	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Đại Thịnh	
77	Nguyễn Thị	Hương	10/10/1994	Nữ	Tự Lập, Mê Linh	ĐH	Tiếng Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Liên Mạc	
78	Nguyễn Thị	Hương	11/12/1988	Nữ	Trung Kiên - Yên Lạc - Vĩnh Phúc	Đại học	Giáo dục chính trị	CQ	GV	GDCD	Tiếng Anh	1	Tiến Thắng	
79	Phùng Thị Mai	Hương	25/6/1991	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh	ĐH	Tài chính Ngân hàng	CQ	KTVTC	Kế toán		0	Đại Thịnh A	
80	Nguyễn Thị Thanh	Hương	07/01/1992	Nữ	Kim Hoa, Mê Linh	CĐ	Kế toán	CQ	KTVTC	Kế toán		0	Kim Hoa	
81	Bùi Thị Thu	Hương	03/7/1998	Nữ	Ninh Bình	ĐH	Kế toán	CQ	KTVTC	Kế toán		0	Tiền Phong B	
82	Nguyễn Thị	Hường	22/9/1990	Nữ	Thanh Lâm - Mê Linh	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	VHVL	GV	Tiếng Anh		1	Tiến Thịnh	
83	Nguyễn Lê	Huy	26/12/1993	Nam	Liên Mạc, Mê Linh	ĐH	SP Toán	CQ	GV	Toán	Anh	1	Liên Mạc	
84	Nguyễn Hữu Quang	Huy	11/6/1999	Nam	Dương Xá - Gia Lâm	Đại học	Sư phạm Toán	CQ	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Tiền Phong	
85	Trần Thu	Huyền	15/7/1999	Nữ	Liên Hà, Đông Anh	ĐH	SP Toán	CQ	GV	Toán	Anh	1	Tam Đồng	
86	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	16/12/2001	Nữ	Tân Hưng, Sóc Sơn	ĐH	SP Toán	CQ	GV	Toán		1	Tiền Phong	
87	Nguyễn Thị Vân	Huyền	10/3/1991	Nữ	Xuân Giang - Sóc Sơn	Đại học	Sư phạm Toán	VHVL	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Tráng Việt	
88	Tạ Thị	Huyền	02/6/1985	Nữ	Hiền Ninh, Sóc Sơn	ĐH	SP Tiếng Anh	VHVL	GV	Tiếng Anh		1	Chi Đông	

Số TT	Họ và đệm	Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Mã cấp học (MN: 0, THCS: 1)	Trường đăng ký thi tuyển (Chỉ ghi tên trường)	Điện ưu tiên
89	Nông Thị	Huyền	10/8/1993	Nữ	Bắc Giang	ĐH	SP Tiếng Anh	VLVH	GV	Tiếng Anh		1	Chi Đông	
90	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	13/9/1994	Nữ	Phú Thọ	ĐH	SP Tiếng Anh	VHVL	GV	Tiếng Anh		1	Đại Thịnh	
91	Trần Thu	Huyền	22/11/1996	Nữ	Dục Tú - Đông Anh	Đại học	Ngôn ngữ Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Đại Thịnh	
92	Phạm Thị	Huyền	03/10/1994	Nữ	Tiến Thịnh, Mê Linh	ĐH	Ngôn ngữ Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Tiến Thịnh	
93	Nguyễn Thị Thu	Huyền	23/01/1988	Nữ	Kim Hoa - Mê Linh	Đại học	Kế toán	CQLT	KTVTC	Kế toán	Tiếng Anh	0	Kim Hoa	
94	Phùng Minh	Khánh	17/11/2002	Nam	Thạch Đà - Mê Linh	Đại học	Sư phạm Toán	CQ	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Phạm Hồng Thái	
95	Trần Đức	Khóa	14/12/1997	Nữ	Tiến Thịnh - Mê Linh	Đại học	Giáo dục công dân	CQ	GV	GDCD	Tiếng Anh	1	Tiến Thắng	
96	Nguyễn Thị Hương	Lam	05/9/1993	Nữ	Chi Đông, Mê Linh	ĐH	SP Tiếng Anh	VLVH	GV	Tiếng Anh		1	Chi Đông	
97	Nguyễn Thị	Lan	23/5/1993	Nữ	Bắc Bình - Lập Thạch - Vĩnh Phúc	Đại học	Sư phạm Toán	VHVL	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Tiến Thắng	
98	Đào Thúy	Lan	28/6/1994	Nữ	Xuân Canh - Đông Anh	Đại học	Sư phạm Tin học	VHVL	GV	Tin học	Tiếng Anh	1	Văn Khê	
99	Hoàng Nhật	Lê	06/3/1997	Nữ	Thanh Lâm, Mê Linh	ĐH	SP Tiếng Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Tiến Thịnh	
100	Lưu Thị Thảo	Liên	10/10/2000	Nữ	Hiền Ninh - Sóc Sơn	Đại học	Ngôn ngữ Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Chi Đông	
101	Vũ Thị	Liên	20/4/1992	Nữ	Hợp Lý - Lập Thạch - Vĩnh Phúc	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	VHVL	GV	Tiếng Anh		1	Đại Thịnh	
102	Lê Thị Kim	Liên	04/11/2002	Nữ	Chu Phan - Mê Linh	Đại học	Giáo dục chính trị	CQ	GV	GDCD	Tiếng Anh	1	Tiến Thắng	

Số TT	Họ và đệm	Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Mã cấp học (MN: 0, THCS: 1)	Trường đăng ký thi tuyển (Chỉ ghi tên trường)	Diện ưu tiên
103	Nguyễn Thị Ngọc	Liên	05/05/2000	Nữ	Tiến Thắng - Mê Linh	Đại học	Kế toán	CQ	KTVTC	Kế toán	Tiếng Anh	0	Tiến Thắng B	
104	Nguyễn Thị Thuý	Linh	29/7/2002	Nữ	Tiền Phong, Mê Linh	ĐH	SP Toán	CQ	GV	Toán	Anh	1	Phạm Hồng Thái	
105	Cao Hoàng Thuý	Linh	26/8/2000	Nữ	Vân Đình, Ứng Hoà	ĐH	SP Toán	CQ	GV	Toán	Anh	1	Phạm Hồng Thái	
106	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	16/11/2002	Nữ	Trung Nhị - Phúc Yên - Vĩnh Phúc	Đại học	Sư phạm Toán	CQ	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Tam Đồng	
107	Nguyễn Phương	Linh	23/6/2001	Nữ	Thanh Lâm, Mê Linh	ĐH	SP Toán	CQ	GV	Toán		1	Tiền Phong	
108	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	14/12/2002	Nữ	Nguyễn Trãi - Hà Đông	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Đại Thịnh	
109	Nguyễn Thị Thùy	Linh	30/01/1995	Nữ	Tiến Thịnh - Mê Linh	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	VHVL	GV	Tiếng Anh		1	Liên Mạc	
110	Phùng Thị Thuý	Linh	01/6/1988	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh	ĐH	Kế toán	CQ	KTVTC	Kế toán	Anh	0	Tiến Thắng B	
111	Phùng Thị	Loan	17/8/1992	Nữ	Minh Phú - Sóc Sơn	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Chi Đông	
112	Nguyễn Thế	Lợi	23/02/1994	Nam	Bắc Sơn, Sóc Sơn	ĐH	SP Toán	CQ	GV	Toán		1	Tam Đồng	
113	Trần Văn	Lợi	11/10/1992	Nam	Đạo Trù - Tam Đảo - Vĩnh Phúc	Đại học	Giáo dục công dân	CQ	GV	GDCD	Tiếng Anh	1	Đại Thịnh	Dân tộc thiểu số
114	Thái Nhật	Long	13/6/2002	Nam	Thạch Đà - Mê Linh	Đại học	Sư phạm Toán	CQ	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Chu Phan	
115	Trần Thị	Luận	10/7/1988	Nữ	Vĩnh Phúc	ĐH	Ngôn ngữ Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Liên Mạc	

Số TT	Họ và đệm	Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Mã cấp học (MN: 0, THCS: 1)	Trường đăng ký thi tuyển (Chỉ ghi tên trường)	Điện ưu tiên
116	Nguyễn Thị	Lương	14/07/1992	Nữ	Hiền Ninh - Sóc Sơn	Đại học	Giáo dục Chính trị - Giáo dục Quốc phòng	CQ	GV	GDCD	Tiếng Anh	1	Đại Thịnh	
117	Nguyễn Thị	Lương	26/2/1997	Nữ	Hoàng Diệu - Chương Mỹ	Đại học	Kế toán doanh nghiệp	CQ	KTVTC	Kế toán	Tiếng Anh	0	Đại Thịnh A	
118	Nguyễn Thảo	Ly	01/02/2001	Nữ	Tân Hưng, Sóc Sơn	ĐH	SP Toán	CQ	GV	Toán		1	Tiền Phong	
119	Trần Thị Hồng	Ly	08/02/1995	Nữ	Vĩnh Phúc	ĐH	SP Toán	VHVL	GV	Toán		1	Tiền Phong	
120	Phan Thị Thanh	Mai	28/11/1995	Nữ	Hương Sơn - Bình Xuyên - Vĩnh Phúc	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	LT	GV	Tiếng Anh		1	Liên Mạc	
121	Nguyễn Thị Phương	Mai	25/6/2002	Nữ	Chu Phan - Mê Linh	Đại học	Kế toán doanh nghiệp	CQ	KTVTC	Kế toán	Tiếng Anh	0	Đại Thịnh A	
122	Ngô Phương	Mai	21/8/2002	Nữ	Kim Hoa, Mê Linh	ĐH	Kế toán	CQ	KTVTC	Kế toán		0	Kim Hoa	
123	Tạ Thị Hoa	Mai	12/3/1992	Nữ	Liên Mạc - Mê Linh	Cao đẳng	Kế toán	CQ	KTVTC	Kế toán	Tiếng Anh	0	Quang Minh A	
124	Nguyễn Tiến	Mạnh	07/01/2002	Nam	Thanh Lâm - Mê Linh	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Chi Đông	
125	Nguyễn Thị	Miễn	04/4/1987	Nữ	Tự Lập, Mê Linh	ĐH	SP Tiếng Anh	VLVH	GV	Tiếng Anh		1	Tiến Thịnh	
126	Nguyễn Văn	Minh	20/8/2000	Nam	Vĩnh Phúc	ĐH	SP Toán	CQ	GV	Toán		1	Tam Đồng	
127	Doãn Thị	Minh	10/6/1991	Nữ	Liên Châu - Yên Lạc - Vĩnh Phúc	Đại học	Sư phạm Toán	VHVL	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Tự Lập	
128	Hoàng Thị Hoài	Mơ	08/7/2002	Nữ	Vân Phúc, Phúc Thọ	ĐH	SP Tiếng Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Chu Phan	

Số TT	Họ và đệm	Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Mã cấp học (MN: 0, THCS: 1)	Trường đăng ký thi tuyển (Chỉ ghi tên trường)	Điện ưu tiên
129	Nguyễn Thị	Mơ	01/9/1985	Nữ	Chu Phan, Mê Linh	ĐH	SP Tiếng Anh	VHVL	GV	Tiếng Anh		1	Liên Mạc	
130	Hà Kiều	My	25/04/1991	Nữ	Hiền Ninh - Sóc Sơn	Kĩ sư	Công nghệ thông tin	CQ	GV	Tin học	Tiếng Anh	1	Thanh Lâm B	
131	Đỗ Thị Quỳnh	Nga	25/01/1994	Nữ	Văn Khê, Mê Linh	ĐH	Toán học	CQ	GV	Toán		1	Tam Đồng	
132	Nguyễn Thị	Nga	05/11/1990	Nữ	Phú Đô, Nam Từ Liêm	ĐH ThS	Toán học Hình học và Tô pô	CQ	GV	Toán	Anh	1	Tiền Phong	
133	Nguyễn Thị	Nga	17/6/2000	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn	ĐH	Ngôn ngữ Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Chi Đông	
134	Nguyễn Thị Mỹ	Nga	25/4/1999	Nữ	Hùng Vương - Phúc Yên - Vĩnh Phúc	Đại học	Ngôn ngữ Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Chi Đông	
135	Nguyễn Thị Thanh	Nga	21/10/1991	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh	ĐH	SP Giáo dục công dân - Giáo dục quốc phòng	CQ	GV	GDCD		1	Tiến Thắng	
136	Trần Kim	Ngân	29/12/1999	Nữ	Phù Lỗ - Sóc Sơn	Đại học	Sư phạm Toán	CQ	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Tiền Phong	
137	Nguyễn Thị Hai	Ngoan	26/5/1983	Nữ	Tiến Thịnh - Mê Linh	Cao đẳng	Kế toán	CQ	KTVTC	Kế toán	Tiếng Anh	0	Đại Thịnh A	
138	Trịnh Thị Ánh	Ngọc	19/10/1997	Nữ	Liên Hà, Đông Anh	ĐH ThS	SP Toán học Toán ứng dụng	CQ	GV	Toán		1	Tiền Phong	
139	Ngô Thị Bích	Ngọc	25/6/1994	Nữ	Mễ Trì Thượng, Nam Từ Liêm	ĐH	SP Toán	VHVL	GV	Toán		1	Văn Khê	
140	Phùng Thị Bích	Ngọc	07/01/1996	Nữ	Thanh Xuân - Sóc Sơn	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Chi Đông	
141	Lê Thị	Ngọc	02/5/2002	Nữ	Bắc Phú, Sóc Sơn	ĐH	SP Âm nhạc	CQ		Âm nhạc	Anh	1	Chi Đông	

Số TT	Họ và đệm	Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Mã cấp học (MN: 0, THCS: 1)	Trường đăng ký thi tuyển (Chỉ ghi tên trường)	Điện ưu tiên
142	Nguyễn Thị Thanh	Nguyên	28/02/1995	Nữ	Hiền Ninh - Sóc Sơn	Đại học	Sư phạm Toán	CQ	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Tự Lập	
143	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	18/5/2002	Nữ	Văn Khê, Mê Linh	ĐH	SP Toán	CQ	GV	Toán	Anh	1	Tam Đồng	
144	Nguyễn Thị Hương	Nguyệt	15/10/1992	Nữ	Thanh Lâm, Mê Linh	ĐH	SP Tiếng Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Chi Đông	
145	Đỗ Thị	Nhàn	11/7/1998	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh	ĐH ThS	SP Toán học Phương pháp Toán sơ cấp	CQ	GV	Toán		1	Tráng Việt	
146	Nguyễn Thị	Nhàn	15/5/1983	Nữ	Tự Lập, Mê Linh	ĐH	Tiếng Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Đại Thịnh	
147	Trịnh Thị	Nhẫn	14/11/1995	Nữ	Liên Mạc - Mê Linh	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Vạn Yên	
148	Vũ Thị Kim	Nhung	11/4/1989	Nữ	Hung Yên	ĐH ThS	SP Toán Toán ứng dụng	CQ	GV	Toán		1	Tam Đồng	
149	Trần Thị Hồng	Nhung	31/3/1996	Nữ	Phú Cường, Sóc Sơn	ĐH	SP Song ngữ Trung - Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Chi Đông	
150	Nguyễn Thị	Nhung	06/10/1996	Nữ	Cao Minh - Phúc Yên - Vĩnh Phúc	Đại học	Giáo dục công dân	CQ	GV	GDCD	Tiếng Anh	1	Thanh Lâm A	
151	Vũ Thị Hồng	Nhung	13/12/2000	Nữ	Mê Linh, Mê Linh	ĐH	Kế toán	CQ	KTVTC	Kế toán		0	Quang Minh A	
152	Nguyễn Thị Kim	Oanh	10/10/1997	Nữ	Khai Quang - Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc	Đại học	Sư phạm Toán	CQ	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Liên Mạc	
153	Nguyễn Tú	Oanh	28/6/1997	Nữ	Đồng Ích - Lập Thạch - Vĩnh Phúc	Đại học	Sư phạm Toán	CQ	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Liên Mạc	
154	Phạm Tú	Oanh	20/10/1998	Nữ	Nam Hồng - Đông Anh	Đại học	Sư phạm Toán (dạy bằng Tiếng Anh)	CQ	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Tiền Phong	
155	Phùng Thị	Oanh	22/10/2001	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh	ĐH	SP Toán	CQ	GV	Toán		1	Tự Lập	

Số TT	Họ và đệm	Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Mã cấp học (MN: 0, THCS: 1)	Trường đăng ký thi tuyển (Chỉ ghi tên trường)	Điện ưu tiên
156	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	05/6/2000	Nữ	Thượng Thanh - Long Biên	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	VHVL	GV	Tiếng Anh		1	Tiến Thịnh	
157	Lê Ánh	Phương	28/2/2002	Nữ	Mai Dịch - Cầu Giấy	Đại học	Sư phạm Toán	CQ	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Phạm Hồng Thái	
158	Lê Thị Thu	Phương	21/02/1993	Nữ	Mỹ Hưng - Thanh Oai	Đại học	Sư phạm Toán	VHVL	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Phạm Hồng Thái	CTB
159	Nguyễn Thu	Phương	28/8/1993	Nữ	Hội Hợp - Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc	Đại học	Sư phạm Toán	VHVL	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Tam Đồng	
160	Lê Hồng	Phương	05/8/2000	Nữ	Kim Chung, Đông Anh	ĐH ThS	SP Toán Lý luận phương pháp dạy học	CQ	GV	Toán	Anh	1	Tiền Phong	
161	Phạm Thị Thu	Phương	25/11/1997	Nữ	Liên Hà, Đông Anh	ĐH	SP Tiếng Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Đại Thịnh	
162	Nguyễn Thị Lan	Phương	28/5/1990	Nữ	Văn Khê - Mê Linh	Đại học	Kế toán doanh nghiệp	CQ	KTVTC	Kế toán	Tiếng Anh	0	Quang Minh A	CTB
163	Đào Thị Mai	Phượng	25/7/1996	Nữ	Phú Cường - Sóc Sơn	Đại học	Sư phạm Toán	CQ	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Phạm Hồng Thái	
164	Trịnh Thị	Phượng	17/3/1995	Nữ	Tiên Dương - Đông Anh	Đại học	Toán học	CQ	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Tráng Việt	
165	Nguyễn Thị Bích	Phượng	06/11/2000	Nữ	Thái Hòa - Lập Thạch - Vĩnh Phúc	Đại học	Cử nhân Toán	CQ	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Tự Lập	
166	Tạ Thị	Phượng	19/8/1986	Nữ	Thanh Xuân, Sóc Sơn	ĐH	Tiếng Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Chi Đông	
167	Chu Thị	Phượng	14/06/1986	Nữ	Cẩm Lĩnh - Ba Vì	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	CQLT	GV	Tiếng Anh		1	Liên Mạc	Con đẻ CĐ đa cam
168	Phạm Thị Lệ	Quyên	03/4/1997	Nữ	Bắc Hồng, Đông Anh	ĐH	SP Tiếng Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Chi Đông	

Số TT	Họ và đệm	Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Mã cấp học (MN: 0, THCS: 1)	Trường đăng ký thi tuyển (Chỉ ghi tên trường)	Điện ưu tiên
169	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	15/8/1990	Nữ	Thanh Lâm, Mê Linh	ĐH	SP Toán	CQ	GV	Toán		1	Tam Đồng	
170	Ngô Thuý	Quỳnh	11/11/1997	Nữ	Thượng Cát, Bắc Từ Liêm	ĐH	SP Tiếng Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Đại Thịnh	
171	Nguyễn Thị	Tâm	21/2/1995	Nữ	Thanh Lâm - Mê Linh	Đại học	Sư phạm Toán	CQLT	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Tam Đồng	
172	Vương Thị	Tâm	08/12/1993	Nữ	Tiền Phong - Mê Linh	Đại học	Kế toán	CQ	KTVTC	Kế toán	Tiếng Anh	0	Tiền Phong A	
173	Đỗ Thị Hồng	Thắm	05/11/1993	Nữ	Thanh Lâm - Mê Linh	Đại học	Sư phạm Toán	VHVL	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Tam Đồng	
174	Phạm Thị	Thắng	06/12/1990	Nữ	Việt Hùng, Đông Anh	ĐH	Giáo dục chính trị	CQ	GV	GDCD		1	Tiền Phong	
175	Tạ Thị	Thanh	14/9/1991	Nữ	Thanh Lâm, Mê Linh	ĐH	Tiếng Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Chi Đông	
176	Kiều Thị Yến	Thanh	15/10/1993	Nữ	Quang Minh, Mê Linh	ĐH	SP Tiếng Anh	VLVH	GV	Tiếng Anh		1	Chi Đông	
177	Trần Thị Phương	Thanh	14/02/2000	Nữ	Quang Minh - Mê Linh	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Chi Đông	
178	Trần Thị	Thanh	15/02/1989	Nữ	Bồ Lý - Tam Đảo - Vĩnh Phúc	Đại học	Giáo dục công dân	CQ	GV	GDCD	Tiếng Anh	1	Tiền Phong	
179	Đình Văn	Thanh	31/10/1989	Nam	Tiền Phong - Mê Linh	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	VHVL		Âm nhạc	Tiếng Anh	1	Mê Linh	
180	Vũ Thị Thu	Thảo	05/07/1996	Nữ	Đức Long - Quế Võ - Bắc Ninh	Đại học	Sư phạm Toán	CQ	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Chu Phan	
181	Nguyễn Thị	Thảo	28/8/1998	Nữ	Chu Phan - Mê Linh	Đại học	Sư phạm Toán	VHVL	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Chu Phan	

Số TT	Họ và đệm	Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Mã cấp học (MN: 0, THCS: 1)	Trường đăng ký thi tuyển (Chỉ ghi tên trường)	Điện ưu tiên
182	Tạ Thị Bích	Thảo	20/10/1997	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh	ĐH	SP Toán	VHVL	GV	Toán	Anh	1	Liên Mạc	
183	Đàm Thị	Thảo	11/9/1989	Nữ	Xuân Hòa - Phúc Yên - Vĩnh Phúc	Đại học	Toán	CQ	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Phạm Hồng Thái	
184	Chu Thị Bích	Thảo	02/02/1999	Nữ	Thanh Xuân, Sóc Sơn	ĐH	SP Toán	CQ	GV	Toán		1	Tam Đồng	
185	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	01/9/1992	Nữ	Xuân Giang, Sóc Sơn	ĐH	Toán	CQ	GV	Toán	Anh	1	Tiền Phong	
186	Đỗ Thị Phương	Thảo	08/3/1992	Nữ	Trung Sơn Trầm - Sơn Tây	Đại học	Sư phạm Toán	CQ	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Tráng Việt	
187	Nguyễn Phương	Thảo	26/02/1995	Nữ	Thanh Sơn - Phú Thọ	Đại học	Giáo dục công dân	CQ	GV	GDCD	Tiếng Anh	1	Thanh Lâm A	DTTS vùng khó khăn 135
188	Phạm Thị Thu	Thảo	07/3/1993	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh	ĐH	Kế toán	CQ	KTVTC	Kế toán	Anh	0	Đại Thịnh A	
189	Hoàng Thị	Thơ	26/7/1990	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh	ĐH	Toán học	CQ	GV	Toán		1	Phạm Hồng Thái	
190	Nguyễn Thị	Thơ	17/5/1987	Nữ	Tuy Lai - Mỹ Đức	Đại học	Sư phạm Toán	VHVL	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Tiền Phong	
191	Phạm Thị	Thoa	27/7/1985	Nữ	Kim Chung, Đông Anh	ĐH	Tiếng Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Tráng Việt	
192	Nguyễn Thị	Thu	16/7/1994	Nữ	Vĩnh Phúc	ĐH	SP Toán	CQ	GV	Toán		1	Phạm Hồng Thái	
193	Đặng Thị	Thu	16/3/1993	Nữ	Việt Hùng - Đông Anh	Đại học	Sư phạm Toán	VHVL	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Tiền Phong	

Số TT	Họ và đệm	Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Mã cấp học (MN: 0, THCS: 1)	Trường đăng ký thi tuyển (Chỉ ghi tên trường)	Điện ưu tiên
194	Trần Thị	Thu	13/01/2001	Nữ	Hồng Kỳ, Sóc Sơn	ĐH	SP Toán	CQ	GV	Toán	Anh	1	Tiền Phong	
195	Lệ	Thu	28/3/1987	Nữ	Kim Hoa - Mê Linh	Đại học	Kê toán - Tài chính doanh nghiệp thương mại	CQ	KTVTC	Kê toán	Tiếng Anh	0	Kim Hoa	
196	Đỗ Thị	Thu	10/10/1996	Nữ	Tiến Thắng, Mê Linh	ĐH	Kê toán	CQ	KTVTC	Kê toán		0	Tiến Thắng B	
197	Lê Thị	Thuận	16/7/1989	Nữ	Chu Phan, Mê Linh	ĐH	SP Tiếng Anh	VHVL	GV	Tiếng Anh		1	Liên Mạc	
198	Nguyễn Thị	Thúy	16/8/1987	Nữ	Thanh Hoá	ĐH Ths	SP Toán Toán Giải tích	CQ	GV	Toán		1	Liên Mạc	
199	Chu Thị	Thủy	04/02/1988	Nữ	Hiền Ninh, Sóc Sơn	ĐH	SP Tiếng Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Chi Đông	
200	Hoàng Thị	Thủy	03/02/1989	Nữ	Đại Thịnh, Mê Linh	ĐH	Ngôn ngữ Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Tráng Việt	
201	Nguyễn Diệu	Thúy	27/10/2001	Nữ	Bắc Phú - Sóc Sơn	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Chi Đông	
202	Nguyễn Phương	Thúy	05/3/1992	Nữ	La Khê - Hà Đông	Đại học	Kê toán doanh nghiệp	CQ	KTVTC	Kê toán	Tiếng Anh	0	Kim Hoa	
203	Trần Thị Thu	Thủy	23/3/1994	Nữ	Đại Mạch - Đông Anh	Đại học	Sư phạm Toán	CQ	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Tiền Phong	
204	Nguyễn Thu	Trang	03/9/1997	Nữ	Đại Hưng, Mỹ Đức	ĐH	SP Toán	CQ	GV	Toán	Anh	1	Chu Phan	
205	Đỗ Thủy	Trang	13/9/1996	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm	ĐH	SP Toán	VLVH	GV	Toán		1	Liên Mạc	

Số TT	Họ và đệm	Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Mã cấp học (MN: 0, THCS: 1)	Trường đăng ký thi tuyển (Chỉ ghi tên trường)	Diện ưu tiên
206	Tạ Thị Thuỳ	Trang	10/5/2002	Nữ	Hiền Ninh, Sóc Sơn	ĐH	SP Toán	CQ	GV	Toán		1	Tiền Phong	
207	Phùng Thị Minh	Trang	03/7/2002	Nữ	Tân Dân - Sóc Sơn	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Chi Đông	
208	Nguyễn Thuỳ	Trang	08/7/1999	Nữ	Đại Thịnh, Mê Linh	ĐH	Ngôn ngữ Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Đại Thịnh	
209	Nguyễn Thị Thuỳ	Trang	21/5/1998	Nữ	Tiền Phong, Mê Linh	ĐH	SP Tiếng Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Tráng Việt	
210	Lê Thị Thu	Trang	26/12/1997	Nữ	Văn Khê, Mê Linh	ĐH	SP Tiếng Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Văn Khê	
211	Nguyễn Thị Thu	Trang	25/12/1996	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh	ĐH	Kế toán	CQ	KTVTC	Kế toán		0	Tiền Phong A	
212	Nguyễn Thị	Trinh	24/11/1996	Nữ	Kim Chung, Hoài Đức	ĐH	SP Toán học	CQ	GV	Toán	Anh	1	Phạm Hồng Thái	
213	Dương Thị	Trinh	13/01/1994	Nữ	Hải Dương	ĐH	SP Toán	CQ	GV	Toán		1	Văn Khê	
214	Nguyễn Hữu	Trình	15/7/1984	Nam	Vĩnh Phúc	ĐH	Tin học	TC	GV	Tin học	Anh	1	Kim Hoa	
215	Nguyễn Văn	Tuấn	02/8/1988	Nam	Kim Hoa, Mê Linh	ĐH	Công nghệ thông tin	CQ	GV	Tin học		1	Kim Hoa	
216	Vũ Thanh	Tùng	30/12/1994	Nam	Quang Minh, Mê Linh	ĐH	Công nghệ thông tin	CQ	GV	Tin học		1	Thanh Lâm B	
217	Nguyễn Thị	Tươi	29/8/1991	Nữ	Hoàng Kim - Mê Linh	Đại học	Giáo dục công dân - Giáo dục Quốc phòng	CQ	GV	GDCD	Tiếng Anh	1	Tiến Thắng	

Số TT	Họ và đệm	Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Mã cấp học (MN: 0, THCS: 1)	Trường đăng ký thi tuyển (Chỉ ghi tên trường)	Điện ưu tiên
218	Nguyễn Thị	Tuyên	13/02/1992	Nữ	Hoàng Kim, Mê Linh	ĐH	Ngôn ngữ Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Liên Mạc	
219	Trần Thị	Tuyến	23/4/1989	Nữ	Vĩnh Phúc	CD	Kế toán	CQ	KTVTC	Kế toán		0	Tiến Thắng B	
220	Bùi Thị	Tỵ	09/02/1988	Nữ	Chu Phan, Mê Linh	ĐH	Kế toán	CQ	KTVTC	Kế toán	Anh	0	Tiến Thắng B	
221	Lê Thu	Uyên	05/3/1999	Nữ	Thụy Lâm - Đông Anh	Đại học	Kế toán	CQ	KTVTC	Kế toán	Tiếng Anh	0	Quang Minh A	
222	Ngô Thị Thanh	Vân	24/5/1994	Nữ	Liên Châu - Yên Lạc - Vĩnh Phúc	Đại học	Sư phạm Toán	CQ	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Tam Đồng	
223	Mai Thị	Vân	01/5/1995		Thanh Hoá	ĐH	SP Toán	CQ	GV	Toán	Anh	1	Tráng Việt	
224	Phạm Thị Hồng	Vân	17/06/1988	Nữ	Nguyên Khê - Đông Anh	Đại học	Cử nhân Tiếng Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Chi Đông	
225	Trương Thị	Vi	13/5/1999	Nữ	Thụy Lâm - Đông Anh	Đại học	Sư phạm Toán	CQ	GV	Toán	Tiếng Anh	1	Tiền Phong	
226	Vũ Thị	Yên	06/3/1998	Nữ	Tiến Thịnh, Mê Linh	ĐH	Tài chính Ngân hàng	CQ	KTVTC	Kế toán		0	Tiến Thắng B	
227	Đỗ Thị Hải	Yên	13/5/1996	Nữ	Sơn Đông, Sơn Tây	ĐH ThS	SP Toán	CQ	GV	Toán		1	Văn Khê	
228	Lê Hải	Yên	20/11/1992	Nữ	Tiến Thịnh - Mê Linh	Đại học	Ngôn ngữ Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Chu Phan	
229	Lê Hải	Yên	06/12/1994	Nữ	Tiến Thịnh - Mê Linh	Đại học	Ngôn ngữ Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Chu Phan	
230	Lê Thị Hồng	Yên	24/5/1994	Nữ	Vạn Yên, Mê Linh	ĐH	SP Tin học	CQ	GV	Tin học		1	Vạn Yên	

Số TT	Họ và đệm	Tên	Ngày, tháng, năm sinh (dùng Text, ghi kiểu dd/mm/yyyy)	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Mã cấp học (MN: 0, THCS: 1)	Trường đăng ký thi tuyển (Chỉ ghi tên trường)	Diện ưu tiên
231	Nguyễn Thị	Yến	03/7/1988	Nữ	Chu Phan - Mê Linh	Cao đẳng	Kế toán tổng hợp	CQ	KTVTC	Kế toán	Tiếng Anh	0	Đại Thịnh A	
232	Nguyễn Thị	Yến	19/4/1992	Nữ	Chu Phan - Mê Linh	Cao đẳng	Kế toán	CQ	KTVTC	Kế toán	Tiếng Anh	0	Tiên Thắng B	

DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO DỤC NĂM 2024
(Kèm theo Thông báo số: /TB-HĐTD ngày / /2025 của HĐTD viên chức giáo dục huyện Mê Linh)

Môn đăng ký thi tuyển: Giáo viên THCS; Giáo viên mầm non: MN;

Số TT	Họ và đệm	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính (nam, nữ)	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Mã cấp học (MN: 0, THCS: 1)	Trường đăng ký thi tuyển	Ghi chú
1	Hạ Thị	Hải	14/10/1995	Nữ	Liên Bảo - Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc	Đại học	Cử nhân Tiếng Anh	LT	GV	Tiếng Anh		1	Đại Thịnh	CC NVSP không phù hợp
2	Nguyễn Thị	Mai	02/04/2000	Nữ	Vạn Yên - Mê Linh	Đại học	Ngôn ngữ Anh	CQ	GV	Tiếng Anh		1	Liên Mạc	Không CC NVSP